

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ LƯU VỆ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-VP

Lưu Vệ, ngày tháng năm 2026

V/v Tìm hiểu các quy định của pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Tổ tuyên truyền viên pháp luật;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Tổ Hoà giải ở cơ sở.

Thực hiện Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025); Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 25/11/2025 của Ủy ban nhân dân (UBND) về tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; Để tiếp tục tuyên truyền rộng rãi, nâng cao hiểu biết pháp luật về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; UBND xã xây dựng bộ tài liệu dưới hình thức “Hỏi – Đáp”- ***“Tìm hiểu các quy định của pháp luật về bầu cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031”*** để tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trên địa bàn xã (đính kèm theo văn bản). Chủ tịch UBND xã yêu cầu :

1. Các cơ quan, đơn vị; tổ tuyên truyền viên pháp luật; các tổ Hoà giải ở cơ sở trên địa bàn xã

Tổ chức phổ biến, tuyên truyền đến cán bộ, công chức, viên chức, tổ viên, hoà giải viên của cơ quan, đơn vị mình bằng hình thức phù hợp, dễ hiểu, dễ tiếp cận, tạo sự đồng thuận xã hội và góp phần tổ chức thành công cuộc bầu cử.

2. Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công

Đẩy mạnh công tác truyền thông bằng hình thức ứng dụng công nghệ thông tin, thông qua các nền tảng số, mạng lưới loa truyền thanh cơ sở trên chuyên mục “Hỏi – đáp pháp luật” để tuyên truyền rộng rãi bộ tài liệu ***“Tìm hiểu các quy định của pháp luật về bầu cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031”*** đến các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn xã.

3. Ban Biên tập Trang thông tin điện tử xã

Thực hiện đăng tải bộ tài liệu “*Tìm hiểu các quy định của pháp luật về bầu cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031*” trên Trang thông tin điện tử của UBND xã để tạo thuận lợi cho việc tìm hiểu pháp luật về bầu cử của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân.

4.Văn phòng HĐND&UBND

Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và báo cáo việc triển khai thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND xã và cấp có thẩm quyền; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu./.

Nơi nhận:

- Đảng uỷ, TT HĐND xã(B/c);
- Ủy ban MTTQ xã;
- Chủ tịch; các PCTUBND;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Các thôn;
- Các Tổ Hoà giải;
- Tổ tuyên truyền viên PL;
- Lưu: VT, VP.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Thu

BỘ TÀI LIỆU “HỎI – ĐÁP”
“TÌM HIỂU CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026-2031”
(Kèm theo Công văn số :...../UBND-VP ngày..... tháng..... năm 2026)

Câu 1: Theo Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020 và năm 2025), Quốc hội có vị trí như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ khoản 1 Điều 1 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014, sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025 Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Câu 2: Theo Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi bổ sung năm 2020 và năm 2025), Quốc hội có chức năng như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014, sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025) Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Câu 3: Theo Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020 và năm 2025), đại biểu Quốc hội có vị trí như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ khoản 1 Điều 21 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025: Đại biểu Quốc hội là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước; là người thay mặt Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước trong Quốc hội.

Câu 4: Theo Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020 và năm 2025), đại biểu Quốc hội phải đáp ứng các tiêu chuẩn nào?

Trả lời:

Căn cứ Điều 22 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025), đại biểu Quốc hội phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2. Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

3. Có trình độ văn hóa, chuyên môn, có đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội.

4. Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

5. Có điều kiện tham gia các hoạt động của Quốc hội.

Câu 5: Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, Hội đồng nhân dân có vị trí như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, Hội đồng nhân dân gồm các đại biểu HĐND do cử tri ở địa phương bầu ra, là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

Câu 6. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, Đại biểu Hội đồng nhân dân có vị trí như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ khoản 2 Điều 5 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025: Đại biểu Hội đồng nhân dân là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân địa phương, chịu trách nhiệm trước cử tri địa phương và trước Hội đồng nhân dân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình.

Câu 7: Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng các tiêu chuẩn nào

Trả lời

Căn cứ khoản 3 Điều 5 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;
2. Chỉ có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;
3. Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác;
4. Có trình độ học vấn, chuyên môn, đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu; có điều kiện tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân;
5. Cư trú hoặc công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp ở đơn vị hành chính mà mình là đại biểu Hội đồng nhân dân;
6. Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

Câu 8: Theo Nghị quyết số 1891/NQ-UBTVQH15, ngày 10/11/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tổng số đại biểu Quốc hội khóa XVI là bao nhiêu người?

Trả lời:

Căn cứ Điều 1 Nghị quyết 1891/NQ-UBTVQH15 ngày 10/11/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu quốc hội khóa XVI thì tổng số đại biểu Quốc hội khóa XVI là 500 người.

Câu 9: Theo Nghị quyết số 85/NQ-HĐBCQG ngày 15/12/2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia, tỉnh Thanh Hoá có bao nhiêu đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI? tổng số đại biểu Quốc hội khóa XVI được bầu của tỉnh Thanh Hoá là bao nhiêu người?

Trả lời:

Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 85/NQ-HĐBCQG ngày 15/12/2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia về số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử của các tỉnh, thành phố thì tỉnh Thanh Hoá có 6 đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI; tổng số đại biểu Quốc hội khóa XVI được bầu của tỉnh Thanh Hoá là 17 người.

Câu 10: Tỉnh Thanh Hoá có bao nhiêu đơn vị bầu cử

Trả lời:

Thông báo số 24/TB-UBBC, ngày 25/12/2025 về việc công bố số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2026-2031, tỉnh Thanh Hoá có 27 đơn vị bầu cử.

Câu 11: Số đại biểu HĐND tỉnh Thanh Hoá nhiệm kỳ 2026-2031 được bầu là bao nhiêu người?

Trả lời:

Thông báo số 24/TB-UBBC, ngày 25/12/2025 về việc công bố số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2026-2031 thì số đại biểu HĐND tỉnh Thanh Hoá nhiệm kỳ 2026-2031 được bầu là 85 người?

Câu 12: Theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), việc xác định khu vực bỏ phiếu do cơ quan nào quyết định?

Trả lời:

Căn cứ khoản 4, Điều 11, Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì việc xác định khu vực bỏ phiếu do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

Câu 13: Theo Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), khu vực bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội và khu vực bỏ phiếu bầu cử đại biểu HĐND các cấp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì khu vực bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội đồng thời là khu vực bỏ phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Câu 14: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định số cử tri tại mỗi khu vực bỏ phiếu như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ khoản 2 Điều 11 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025): Mỗi khu vực bỏ phiếu có từ ba trăm đến bốn

nghìn cử tri. Ở miền núi, hải đảo và những nơi dân cư không tập trung thì dù chưa có đủ ba trăm cử tri cũng được thành lập một khu vực bỏ phiếu.

Câu 15: Theo Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), các trường hợp nào có thể thành lập khu vực bỏ phiếu riêng?

Trả lời:

Căn cứ khoản 3 Điều 11 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), các trường hợp nào có thể thành lập khu vực bỏ phiếu riêng, gồm: Đơn vị vũ trang nhân dân; Bệnh viện, nhà hộ sinh, nhà an dưỡng, cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi có từ năm mươi cử tri trở lên; Cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, trại tạm giam.

Câu 16: Theo Nghị quyết số 107/2025/UBTVQH15 ngày 16/10/2025, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XV, cơ quan nào dự kiến cụ thể cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người của các cơ quan, tổ chức được giới thiệu để ứng cử đại biểu HĐND cấp xã?

Trả lời:

Căn cứ khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 107/2025/UBTVQH15 ngày 16/10/2025 hướng dẫn việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 – 2031: Thường trực HĐND cấp xã sau khi thống nhất ý kiến với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và UBND cùng cấp.

Câu 17: Theo Nghị quyết số 107/2025/UBTVQH15 ngày 16/10/2025, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XV, việc dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người được giới thiệu để ứng cử đại biểu HĐND ở mỗi đơn vị hành chính phải đáp ứng yêu cầu nào ?

Trả lời:

Căn cứ khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 107/2025/UBTVQH15 ngày 16/10/2025: Việc dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người được giới thiệu để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi đơn vị hành chính phải bảo đảm dân chủ, công tâm, khách quan, minh bạch; chú trọng tới chất lượng, lựa chọn đại biểu là những người tiêu biểu về phẩm chất, đạo đức, uy tín, trí tuệ; đồng thời bảo đảm cơ cấu hợp lý về số đại biểu là người đang công tác trong tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở cấp mình và các đơn vị hành chính cấp dưới (đối với cấp tỉnh), các thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã) và các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế trên địa bàn; tăng số lượng đại biểu hoạt động chuyên trách; có tỷ lệ hợp lý đại biểu đại diện các tôn giáo, dân tộc, giới tính, độ tuổi, các nhà khoa học, trí thức, văn nghệ sĩ, đại biểu xuất thân từ công nhân, nông dân, doanh nhân và các hiệp hội, nghiệp đoàn trong sản xuất, kinh doanh và đáp ứng các yêu cầu sau đây:

1) Bảo đảm tỷ lệ hợp lý người ứng cử đại biểu là người dân tộc thiểu số trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phù hợp với đặc điểm, cơ cấu dân tộc và tình hình cụ thể của từng địa phương và phân đấu đạt tỷ lệ trúng cử theo dự kiến;

2) Người ứng cử đại biểu là phụ nữ, bảo đảm đạt tỷ lệ ít nhất 35% trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng cấp; phân đấu đạt tỷ lệ trúng cử khoảng 30% tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng cấp;

3) Người ứng cử đại biểu là người ngoài Đảng, phân đấu đạt tỷ lệ không dưới 10% trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng cấp;

4) Người ứng cử là người trẻ tuổi (dưới 40 tuổi), phân đấu đạt tỷ lệ không dưới 15% trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng cấp;

5) Đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026 tái cử, phân đấu đạt tỷ lệ không dưới 30% ở từng cấp.

Câu 18: Theo Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), các quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia được thông qua khi nào?

Trả lời:

Căn cứ Điều 13 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), các quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành

Câu 19: Theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương gồm?

Trả lời:

Căn cứ Điều 21 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương gồm: Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, tổ bầu cử.

Câu 20: Theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng bầu cử quốc gia có bao nhiêu thành viên?

Trả lời:

Căn cứ khoản 1, Điều 12, Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng nhân dân từ 15 đến 21 thành viên.

Câu 21: Theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Ủy ban bầu cử được thành lập ở những cấp hành chính nào?

Trả lời:

Căn cứ khoản 1, Điều 21 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Ủy ban bầu cử được thành lập ở cấp tỉnh, cấp xã.

Câu 22: Theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Ủy ban bầu cử cấp tỉnh được thành lập để tổ chức bầu cử đại biểu ở cấp nào?

Trả lời:

Căn cứ khoản 1, Điều 22 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Ủy ban bầu cử cấp tỉnh được thành lập để tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Câu 23: Theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Ủy ban bầu cử cấp tỉnh có bao nhiêu thành viên? thành viên Ủy ban bầu cử cấp tỉnh gồm những chức danh nào?

Trả lời:

Căn cứ khoản 1, Điều 22 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Ủy ban bầu cử cấp tỉnh có từ 23 đến 37 thành viên. Thành viên Ủy ban bầu cử cấp tỉnh gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Thư ký và các Ủy viên.

Câu 24: Theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), cơ cấu thành viên của Ủy ban bầu cử cấp tỉnh gồm đại diện của các cơ quan nào?

Trả lời:

Căn cứ khoản 1, Điều 22 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), cơ cấu thành viên của Ủy ban bầu cử cấp tỉnh gồm đại diện của các cơ quan: Đoàn đại biểu Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân, UBND, UBMTTQ Việt Nam cấp tỉnh và một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

Câu 25: Theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Ủy ban bầu cử cấp xã được thành lập chậm nhất bao nhiêu ngày trước ngày bầu cử?

Trả lời:

Căn cứ khoản 2, Điều 22 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025), Ủy ban bầu cử cấp xã được thành lập chậm nhất 105 ngày trước ngày bầu cử?

Câu 26: Theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Ủy ban bầu cử cấp xã có bao nhiêu thành viên? thành viên Ủy ban bầu cử cấp xã gồm những chức danh nào?

Trả lời:

Căn cứ khoản 2, Điều 22 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): Ủy ban bầu cử cấp xã được thành lập để tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân cấp xã. Ủy ban bầu cử cấp xã có từ 9 đến 17 thành viên. Thành viên Ủy ban bầu cử cấp xã gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Thư ký và các Ủy viên.

Câu 27: Theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), cơ cấu Ủy viên của Ủy ban bầu cử cấp xã gồm đại diện của các cơ quan nào?

Trả lời:

Căn cứ khoản 2, Điều 22 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), cơ cấu Ủy viên của Ủy ban bầu cử cấp xã gồm đại diện của các cơ quan: Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam cấp xã và các cơ quan, tổ chức hữu quan khác.

Câu 28: Theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Ban bầu cử gồm?

Trả lời:

Căn cứ khoản 2, Điều 21 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Câu 29. Theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Ban bầu cử có nhiệm vụ, quyền hạn như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ khoản 3, Điều 24 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Ban bầu cử có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- 1) Kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử của các Tổ bầu cử thuộc đơn vị bầu cử;
- 2) Kiểm tra, đôn đốc việc lập, niêm yết danh sách cử tri và việc niêm yết danh sách những người ứng cử ở các Tổ bầu cử thuộc đơn vị bầu cử;
- 3) Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc bố trí các phòng bỏ phiếu và công việc bầu cử ở các phòng bỏ phiếu;
- 4) Nhận và phân phối tài liệu, phiếu bầu cử cho các Tổ bầu cử chậm nhất là 15 ngày trước ngày bầu cử;
- 5) Nhận, tổng hợp và kiểm tra biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử của các Tổ bầu cử; lập biên bản xác định kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử;
- 6) Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện công tác bầu cử của các Tổ bầu cử và khiếu nại, tố cáo về bầu cử do các Tổ bầu cử chuyển đến; nhận và chuyển đến Ủy ban bầu cử ở tỉnh khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Quốc hội; nhận và chuyển đến Ủy ban bầu cử tương ứng khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;
- 7) Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử theo hướng dẫn, yêu cầu của Hội đồng bầu cử quốc gia hoặc theo yêu cầu của Ủy ban bầu cử cùng cấp;
- 8) Chuyển hồ sơ, tài liệu về bầu cử đại biểu Quốc hội đến Ủy ban bầu cử ở tỉnh; chuyển hồ sơ, tài liệu về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân đến Ủy ban bầu cử cùng cấp;
- 9) Tổ chức thực hiện việc bầu cử thêm, bầu cử lại (nếu có).

Câu 30. Theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Tổ bầu cử có nhiệm vụ, quyền hạn như thế nào?

Căn cứ Điều 25 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Tổ bầu cử có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Chậm nhất là 43 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ bầu cử để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Tổ bầu cử có từ mười một đến hai mươi một thành viên gồm Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đại diện cử tri ở địa phương.

2. Tổ bầu cử có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Phụ trách công tác bầu cử trong khu vực bỏ phiếu;
- b) Bố trí phòng bỏ phiếu, chuẩn bị hòm phiếu;
- c) Nhận tài liệu và phiếu bầu cử từ Ban bầu cử; phát thẻ cử tri, phiếu bầu cử có đóng dấu của Tổ bầu cử cho cử tri;
- d) Thường xuyên thông báo cho cử tri biết ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu trong thời hạn 10 ngày trước ngày bầu cử;
- đ) Bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về bầu cử và nội quy phòng bỏ phiếu;
- e) Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử quy định tại Điều này; nhận và chuyển đến Ban bầu cử tương ứng khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, khiếu nại, tố cáo khác không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tổ bầu cử;
- g) Kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử để gửi đến Ban bầu cử tương ứng;
- h) Chuyển biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử và toàn bộ phiếu bầu cử đến Ủy ban nhân dân cấp xã khi kết thúc việc kiểm phiếu;
- i) Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử theo quy định của các tổ chức phụ trách bầu cử cấp trên;
- k) Thực hiện việc bầu cử thêm, bầu cử lại tại khu vực bỏ phiếu (nếu có).

Câu 31: Theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Tổ bầu cử hết nhiệm vụ đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân khi nào?

Trả lời:

Căn cứ Điều 28 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): Tổ bầu cử hết nhiệm vụ đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân sau khi Ủy ban bầu cử kết thúc việc tổng kết công tác bầu cử và công bố kết quả bầu cử đại biểu HĐND.

Câu 32. Theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), thẩm quyền lập Danh sách cử tri được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), danh sách cử tri do Ủy ban nhân dân cấp xã lập theo từng khu vực bỏ phiếu.

Câu 33: Theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), nguyên tắc lập danh sách cử tri được quy định như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ Điều 29, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) việc lập danh sách cử tri phải tuân thủ 05 nguyên tắc sau:

1. Mọi công dân có quyền bầu cử đều được ghi tên vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri, trừ các trường hợp không được ghi tên, xóa tên hoặc bổ sung tên vào danh sách cử tri theo quy định.

2. Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú.

3. Cử tri là người tạm trú và có thời gian đăng ký tạm trú tại địa phương chưa đủ 12 tháng, cử tri là quân nhân ở các đơn vị vũ trang nhân dân được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nơi tạm trú hoặc đóng quân.

4. Công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi đăng ký thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú) xuất trình Hộ chiếu có ghi quốc tịch Việt Nam để được ghi tên vào danh sách cử tri và nhận thẻ cử tri bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã (nếu xuất trình tại nơi đăng ký thường trú) hoặc bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (nếu xuất trình tại nơi đăng ký tạm trú).

5. Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Câu 34: Theo Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và các văn bản hướng dẫn thi hành, những trường hợp nào không được ghi tên vào danh sách cử tri ?

Trả lời:

Căn cứ Điều 30 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Điều 10 Thông tư số 21/2025/TT-BNV quy định: Bốn (04) trường hợp không được ghi tên vào danh sách cử tri gồm:

(1) Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri;

(2) Trường hợp công dân đã đăng ký thường trú tại địa phương nhưng đi làm ăn, sinh sống tại địa phương khác hoặc ở nước ngoài, nếu đã làm thủ tục thay đổi thông tin nơi cư trú hoặc khai báo tạm vắng ở địa phương thì được coi là không thường trú tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã tại nơi công dân đăng ký thường trú nêu trên không ghi tên công dân đó vào danh sách cử tri;

(3) Đối với trường hợp người bị mắc bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác dẫn đến không nhận thức, làm chủ được hành vi, nhưng chưa có điều kiện tổ chức khám và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền, chưa được Tòa án tuyên bố là người mất năng lực hành vi dân sự mà gia đình, người giám hộ có cam kết và có xác nhận của chính quyền địa phương thì những người này cũng bị coi là người mất năng lực hành vi dân sự và không được ghi tên vào danh sách cử tri;

(4) Trường hợp người di dân tự do thực tế sinh sống trên địa bàn nhưng không có giấy tờ, tài liệu, căn cứ chứng minh về quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam thì không được ghi tên vào danh sách cử tri.

Câu 35: Theo Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và các văn bản hướng dẫn thi hành, những trường hợp nào được bổ sung vào danh sách cử tri ?

Trả lời:

Căn cứ Điều 30 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Điều 10 Thông tư số 21/2025/TT-BNV quy định: Bảy (07) trường hợp được bổ sung vào danh sách cử tri gồm:

(1) Người thuộc các trường hợp bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự, nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ được khôi phục lại quyền bầu cử, được trả lại tự do hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận không còn trong tình trạng mất năng lực hành vi dân sự thì được bổ sung vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri theo quy định, bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc lập danh sách cử tri;

(2) Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ mà được trả tự do hoặc đã hết thời gian giáo dục bắt buộc, cai nghiện bắt buộc thì được bổ sung vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc

hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã (tại nơi đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 12 tháng trở lên) hoặc được bổ sung vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (tại nơi đăng ký tạm trú chưa đủ 12 tháng);

(3) Cử tri là quân nhân có nơi thường trú tại địa phương gần khu vực đóng quân có thể được chỉ huy đơn vị cấp giấy chứng nhận để được ghi tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu ở nơi thường trú. Cử tri mang giấy chứng nhận tới UBND cấp xã nơi thường trú để bổ sung tên vào danh sách cử tri. Công an cấp xã nơi thường trú đưa cử tri vào danh sách cử tri tại địa bàn trên phần mềm;

(4) Đối với công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm tiến hành bỏ phiếu 24 giờ thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã xuất trình hộ chiếu có ghi quốc tịch Việt Nam. Công an cấp xã xác minh thông tin cư trú về nơi cư trú trước đây và bổ sung vào danh sách cử tri tại địa bàn trên phần mềm;

(5) Cử tri đã có giấy chứng nhận về việc bỏ phiếu nơi khác của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập danh sách cử tri lần đầu cấp thì mang giấy chứng nhận tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình có thể tham gia bỏ phiếu để được bổ sung tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh của địa bàn đó;

(6) Trong thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, những người thay đổi nơi thường trú thì được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi thường trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; những người chuyển đến tạm trú ở nơi khác với đơn vị hành chính cấp xã mà mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri và có nguyện vọng tham gia bầu cử ở nơi tạm trú mới thì được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi tạm trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

(7) Các trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 21/2025/TT-BNV.

Câu 36: Theo Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và các văn bản hướng dẫn thi hành, những trường hợp xóa tên trong danh sách cử tri ?

Trả lời

Căn cứ Điều 30 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Điều 10 Thông tư số 21/2025/TT-BNV quy định: Bốn (04) trường hợp xóa tên trong danh sách cử tri

(1) Trong thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, những người thay đổi nơi thường trú ra ngoài đơn vị hành chính cấp xã nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ; những người chuyển đến tạm trú ở nơi khác với đơn vị hành chính cấp xã mà mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri và có nguyện

vọng tham gia bầu cử ở nơi tạm trú mới thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ.

(2) Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ mà được trả tự do hoặc đã hết thời gian giáo dục bắt buộc, cai nghiện bắt buộc thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi có trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

(3) Người đã có tên trong danh sách cử tri mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị Tòa án tước quyền bầu cử, phải chấp hành hình phạt tù hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Ủy ban nhân dân cấp xã xóa tên người đó trong danh sách cử tri và thu hồi thẻ cử tri.

(4) Cử tri đi nơi khác, không thể tham gia bỏ phiếu tại nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì có quyền xin giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đã có tên trong danh sách cử tri. Sau khi cấp giấy chứng nhận, Công an cấp xã loại cử tri ra khỏi danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu thuộc địa phương trên phần mềm, với lý do: “Bỏ phiếu ở nơi khác”

Câu 37. Theo Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), chậm nhất bao nhiêu ngày trước ngày bầu cử, cơ quan lập danh sách cử tri phải niêm yết danh sách cử tri?

Trả lời:

Căn cứ Điều 32, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: Chậm nhất 40 ngày trước ngày bầu cử, cơ quan lập danh sách cử tri niêm yết danh sách cử tri tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại những địa điểm công cộng của khu vực bỏ phiếu, đồng thời thông báo rộng rãi danh sách cử tri và việc niêm yết để Nhân dân kiểm tra..

Câu 38. Theo Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), trong thời hạn bao nhiêu ngày kể từ ngày niêm yết danh sách cử tri, công dân có quyền khiếu nại với cơ quan lập danh sách cử tri?

Trả lời:

Căn cứ Điều 33 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: Khi kiểm tra danh sách cử tri, nếu phát hiện có sai sót thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày niêm yết, công dân có quyền khiếu nại với cơ quan lập danh sách cử tri. Cơ quan lập danh sách cử tri phải ghi vào sổ những khiếu nại đó. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, cơ quan lập danh sách cử tri phải giải quyết và thông báo cho người khiếu nại biết kết quả giải quyết. Trường hợp người khiếu nại không đồng ý về kết quả giải quyết khiếu nại hoặc hết thời hạn giải quyết mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Câu 39. Theo Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), cơ quan nào có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cho cử tri để đi bỏ phiếu ở nơi khác?

Trả lời:

Căn cứ Điều 34, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): Từ khi niêm yết danh sách cử tri cho đến ngày bầu cử, nếu cử tri nào vì đi nơi khác, không thể tham gia bỏ phiếu ở nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì có quyền xin giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đã có tên trong danh sách cử tri để được bổ sung tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nơi mình có thể tham gia bỏ phiếu. Khi cấp giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp xã phải ghi ngay vào danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu thuộc địa phương mình bên cạnh tên cử tri cụm từ “Bỏ phiếu ở nơi khác”.

Câu 40. Theo Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12/10/2025 của Bộ Nội vụ, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng thì chủ thể nào có thẩm quyền quyết định lập và niêm yết danh sách cử tri?

Trả lời:

Căn cứ khoản 2, Điều 10, Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12/10/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031) quy định: Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng thì Chỉ huy đơn vị quyết định lập và niêm yết danh sách cử tri.

Câu 41. Cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, trại tạm giam được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng thì việc lập và niêm yết danh sách cử tri được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ khoản 4, Điều 10, Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12/10/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031: Cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, trại tạm giam được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng thì UBND cấp xã nơi cơ quan, tổ chức, đơn vị đó đặt trụ sở chủ trì, phối hợp với Công an cấp xã và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm lập và niêm yết danh sách cử tri.

Câu 42. Các bệnh viện, nhà hộ sinh, nhà an dưỡng có từ 50 cử tri trở lên được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng, việc lập và niêm yết danh sách cử tri được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ khoản 4, Điều 10, Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12/10/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031: Các bệnh viện, nhà hộ sinh, nhà an dưỡng có từ 50 cử tri trở lên được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng thì UBND

cấp xã nơi cơ quan, tổ chức, đơn vị đặt trụ sở chủ trì, phối hợp với Công an cấp xã và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm lập và niêm yết danh sách cử tri.

Câu 43. Theo Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12/10/2025 của Bộ Nội vụ, Tổ bầu cử phải tiến hành phát Thẻ cử tri cho các cử tri ở khu vực bỏ phiếu trong khoảng thời gian nào?

Trả lời:

Việc phát thẻ cử tri được quy định tại Điều 11 Thông tư số 21/2025/TTBNV như sau: Trong khoảng thời gian từ trước 10 ngày đến trước 03 ngày của ngày bầu cử (từ ngày 05 đến ngày 12 tháng 3 năm 2026 đối với bầu cử đúng Ngày bầu cử đã được quy định), Tổ bầu cử phải tiến hành phát Thẻ cử tri cho các cử tri ở khu vực bỏ phiếu .

Câu 44. Đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu mà Tổ bầu cử vẫn không thể liên hệ được với cử tri để phát Thẻ cử tri thì Tổ bầu cử phải làm gì?

Trả lời:

Căn cứ khoản 3, Điều 11 Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12/10/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu mà Tổ bầu cử vẫn không thể liên hệ được với cử tri để phát Thẻ cử tri thì Tổ bầu cử thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét việc xóa tên người đó trong danh sách cử tri.

Câu 45. Trường hợp đến ngày bầu cử mà Thẻ cử tri bị rách, hỏng thì xử lý như thế nào?

Căn cứ khoản 4, Điều 11 Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12/10/2025 của Bộ Nội vụ, trường hợp đến ngày bầu cử mà Thẻ cử tri bị rách, hỏng thì Cử tri phải kịp thời báo cáo với Tổ bầu cử. Tổ bầu cử thu hồi Thẻ cử tri bị rách, hỏng và báo cáo với UBND cấp xã để cấp lại Thẻ cử tri mới cho cử tri.

Câu 46: Theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), những khiếu nại, tố cáo đã rõ ràng, có đủ cơ sở kết luận người ứng cử không đáp ứng đủ tiêu chuẩn của đại biểu HĐND thì xử lý như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ khoản 2 Điều 61 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 đối với khiếu nại, tố cáo đã rõ ràng, có đủ cơ sở kết luận người ứng cử không đáp ứng đủ tiêu chuẩn của đại biểu HĐND thì Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng quyết định xóa tên người đó trong danh sách chính thức những người ứng cử trước ngày bầu cử và thông báo cho cử tri biết.

Câu 47: Theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), nếu đơn vị bầu cử được bầu ba đại biểu HĐND

thì số người trong danh sách ứng cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu ít nhất là bao nhiêu người?

Trả lời:

Căn cứ khoản 3, điều 58 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025): nếu đơn vị bầu cử được **bầu ba** đại biểu thì số người trong danh sách ứng cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu ít nhất là **hai người**.

Câu 48: Theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), việc niêm yết danh sách chính thức những người ứng cử ở khu vực bỏ phiếu phải được thực hiện chậm nhất vào thời gian nào?

Trả lời:

Căn cứ Điều 59 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, việc niêm yết danh sách chính thức những người ứng cử ở khu vực bỏ phiếu phải được thực hiện chậm nhất là 16 ngày trước ngày bầu cử.

Câu 49: Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 được quy định thời gian nào sau đây?

Trả lời:

Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 199/2025/QH15 ngày 21/5/2025 của Quốc hội về việc rút ngắn nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031) thì Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 là **Chủ nhật, ngày 15 tháng 3 năm 2026**.

Câu 50: Theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), các tổ chức phụ trách bầu cử và thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử không được thực hiện hành vi nào sau đây?

Trả lời:

Căn cứ Khoản 3 Điều 63 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) các tổ chức phụ trách bầu cử và thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử không được vận động cho người ứng cử.

Câu 51: Theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), cử tri khi đi bầu cử phải xuất trình giấy tờ nào sau đây?

Trả lời:

Căn cứ Khoản 2 Điều 69 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) cử tri khi đi bầu cử phải xuất trình Thẻ cử tri.

Câu 52: Trường hợp cử tri không thể tự viết được phiếu bầu thì được quy định như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ khoản 3 Điều 69 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025) trường hợp cử tri không thể tự viết được phiếu bầu thì được nhờ người khác viết hộ, tự mình bỏ phiếu.

Câu 53: Theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), nguyên tắc bỏ phiếu được quy định như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ khoản 2 Điều 69 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025): Cử tri phải tự mình đi bầu, không được nhờ người khác bầu thay (*trừ trường hợp khác theo Luật quy định*) và phải xuất trình thẻ cử tri.

Câu 54: Theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì được quy định như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ khoản 2 Điều 69 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến tận chỗ ở của cử tri chỗ điều trị của cử tri để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử

Câu 55: Khi cử tri đang viết phiếu bầu, những ai được quyền xem nội dung phiếu bầu đó?

Trả lời:

Căn cứ khoản 5 Điều 69 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): Khi cử tri đang viết phiếu bầu không ai được xem, kể cả thành viên Tổ bầu cử.

Câu 56: Trường hợp cử tri viết hỏng phiếu bầu thì được quy định như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ khoản 6 Điều 69 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) trường hợp viết hỏng phiếu bầu thì Cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác.

Câu 57: Theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), sau khi cử tri đã bỏ phiếu vào hòm phiếu, Tổ bầu cử có trách nhiệm gì?

Trả lời:

Căn cứ khoản 7 Điều 69 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2025) :sau khi cử tri đã bỏ phiếu vào hòm phiếu, Tổ bầu cử đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào thẻ cử tri của người đó.

Câu 58: Theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), thời gian bỏ phiếu trong ngày bầu cử được quy định như thế nào?

Trả lời

Căn cứ khoản 1 Điều 71 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), thời gian bỏ phiếu trong ngày bầu cử bắt đầu từ bảy giờ sáng đến bảy giờ tối cùng ngày. Tùy tình hình địa phương, Tổ bầu cử có thể quyết định cho bắt đầu việc bỏ phiếu sớm hơn nhưng không được trước năm giờ sáng hoặc kết thúc muộn hơn nhưng không được quá chín giờ tối cùng ngày.

Câu 59: Trước khi bỏ phiếu, Tổ bầu cử phải thực hiện kiểm tra nội dung gì trước sự chứng kiến của cử tri?

Trả lời

Căn cứ khoản 2 Điều 71 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025: Trước khi bỏ phiếu, Tổ bầu cử phải thực hiện kiểm tra hòm phiếu trước sự chứng kiến của cử tri.

Câu 60: Khi có sự kiện bất ngờ làm gián đoạn việc bỏ phiếu thì Tổ bầu cử phải có trách nhiệm gì?

Trả lời

Căn cứ khoản 3 Điều 71 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025: Khi có sự kiện bất ngờ làm gián đoạn việc bỏ phiếu thì Tổ bầu cử phải lập tức niêm phong hòm phiếu, tài liệu liên quan trực tiếp đến cuộc bầu cử, kịp thời báo cáo cho Ban bầu cử, đồng thời phải có những biện pháp cần thiết để việc bỏ phiếu được tiếp tục.

Câu 61. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ở địa điểm và thời gian nào? Ai là người được mời chứng kiến?

Trả lời

Căn cứ Điều 73 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2025) : Việc kiểm phiếu phải được tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Trước khi mở hòm phiếu, Tổ bầu cử phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu bầu không sử dụng đến và phải mời hai cử tri không phải là người ứng cử chứng kiến việc kiểm phiếu. Người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm có quyền chứng kiến việc kiểm phiếu và khiếu nại về việc kiểm phiếu. Các phóng viên báo chí được chứng kiến việc kiểm phiếu

Câu 62. Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu bầu như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ Khoản 1 Điều 74 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): Phiếu bầu không hợp lệ là Phiếu không theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra; Phiếu không có dấu của Tổ bầu cử; Phiếu để số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử.

Phiếu gạch xóa hết tên những người ứng cử; Phiếu ghi thêm tên người ngoài danh sách những người ứng cử hoặc phiếu có ghi thêm nội dung khác.

Câu 63. Sau khi kiểm phiếu xong, Tổ bầu cử phải lập các loại biên bản nào?

Trả lời:

Căn cứ Khoản 1 Điều 76 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Sau khi kiểm phiếu xong, Tổ bầu cử phải lập các loại biên bản sau:

- Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội tại khu vực bỏ phiếu;
- Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại khu vực bỏ phiếu.
- Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã tại khu vực bỏ phiếu.

Câu 64. Nguyên tắc xác định người trúng cử được quy định như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ Điều 78 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Nguyên tắc xác định người trúng cử được quy định như sau:

1. Kết quả bầu cử được tính trên số phiếu bầu hợp lệ và chỉ được công nhận khi đã có quá một nửa tổng số cử tri trong danh sách cử tri tại đơn vị bầu cử tham gia bầu cử, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 80 của Luật này.
2. Người trúng cử phải là người ứng cử đạt số phiếu bầu quá một nửa tổng số phiếu bầu hợp lệ.
3. Trường hợp số người ứng cử đạt số phiếu bầu quá một nửa tổng số phiếu bầu hợp lệ nhiều hơn số lượng đại biểu mà đơn vị bầu cử được bầu thì những người trúng cử là những người có số phiếu bầu cao hơn.
4. Trường hợp cuối danh sách trúng cử có nhiều người được số phiếu bầu bằng nhau và nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử thì người nhiều tuổi hơn là người trúng cử.

Câu 65. Bầu cử thêm đại biểu HĐND được quy định như thế nào?

Trả lời

Căn cứ Khoản 2, 3 Điều 79 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025):

Trong cuộc bầu cử đầu tiên, nếu số người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân chưa đủ hai phần ba số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử thì Ban bầu cử phải ghi rõ vào biên bản xác định kết quả bầu cử và báo cáo ngay cho Ủy ban bầu cử chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp đó để quyết định ngày bầu cử thêm ở đơn vị bầu cử đó.

Trong trường hợp bầu cử thêm thì ngày bầu cử được tiến hành chậm nhất là 07 ngày sau ngày bầu cử đầu tiên.

Câu 66. Bầu cử lại được thực hiện trong các trường hợp nào?

Trả lời

Căn cứ Điều 80 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định:

1. Trường hợp đơn vị bầu cử có số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri ghi trong danh sách cử tri thì Ban bầu cử phải ghi rõ vào biên bản và báo cáo ngay cho Ủy ban bầu cử chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử đại biểu ở cấp đó.

2. Đối với bầu cử đại biểu Quốc hội, Ủy ban bầu cử ở tỉnh đề nghị Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định việc bầu cử lại ở đơn vị bầu cử có số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri ghi trong danh sách cử tri.

3. Đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân quyết định ngày bầu cử lại ở đơn vị bầu cử có số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri ghi trong danh sách cử tri sau khi đã báo cáo và được sự đồng ý của Hội đồng bầu cử quốc gia.

4. Trong trường hợp bầu cử lại thì ngày bầu cử được tiến hành chậm nhất là 07 ngày sau ngày bầu cử đầu tiên. Trong cuộc bầu cử lại, cử tri chỉ chọn bầu trong danh sách những người ứng cử tại cuộc bầu cử đầu tiên. Nếu bầu cử lại mà số cử tri đi bầu cử vẫn chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri trong danh sách cử tri thì kết quả bầu cử lại được công nhận mà không tổ chức bầu cử lại lần thứ hai.

Câu 67. Hội đồng bầu cử quốc gia công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội thời gian nào?

Trả lời:

Căn cứ Khoản 1 Điều 86 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): Hội đồng bầu cử quốc gia căn cứ vào biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội chậm nhất là 10 ngày sau ngày bầu cử.

Câu 68. Ủy ban bầu cử công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu HĐND ở cấp mình thời gian nào?

Trả lời:

Căn cứ Khoản 2 Điều 86 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): Ủy ban bầu cử căn cứ vào biên bản tổng kết cuộc bầu cử công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình chậm nhất là 10 ngày sau ngày bầu cử.

Câu 69. Cơ quan nào tiến hành xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Quốc hội?

Trả lời:

Căn cứ Khoản 1 Điều 88 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025):

Căn cứ vào kết quả tổng kết bầu cử đại biểu Quốc hội, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến người trúng cử đại biểu Quốc hội, **Hội đồng bầu cử quốc gia** tiến hành xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Quốc hội, cấp giấy chứng

nhận đại biểu Quốc hội khóa mới cho người trúng cử và báo cáo Quốc hội khóa mới về kết quả xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội tại kỳ họp đầu tiên.

Câu 70. Cơ quan nào tiến hành xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân?

Trả lời:

Căn cứ Khoản 2 Điều 88 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Căn cứ vào kết quả tổng kết bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử tiến hành xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mà mình chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử, cấp giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân khóa mới cho người trúng cử và báo cáo Hội đồng nhân dân khóa mới về kết quả xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp đầu tiên./.